

# Chiến lược phòng bị nước đôi của các quốc gia nhỏ trong cạnh tranh cường quốc tại tiểu vùng sông Mekong: Trường hợp Lào

## Small-State Hedging amid Great-Power Competition in the Mekong Subregion: The Case of Laos

Trần Thị Diễm Trâm<sup>a\*</sup>  
Tran Thi Diem Tram<sup>a\*</sup>

<sup>a</sup>*Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam*  
*Department of Social Sciences and Humanities, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Vietnam*

(Ngày nhận bài: 4/5/2026, ngày phản biện xong: 16/6/2026, ngày chấp nhận đăng: 26/6/2026)

### Tóm tắt

Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng gia tăng giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc tại khu vực tiểu vùng sông Mekong, bài viết phân tích cách thức Lào triển khai chiến lược phòng bị nước đôi (hedging) như một cơ chế thích ứng nhằm tối ưu hóa lợi ích và giảm thiểu rủi ro trong điều kiện bất đối xứng quyền lực. Dựa trên khung lý thuyết chủ nghĩa hiện thực cấu trúc và cách tiếp cận chiến lược phòng bị nước đôi với ba thành tố cốt lõi gồm can dự tích cực (engagement), bảo hiểm rủi ro (insurance) và đa dạng hóa (diversification), kết quả nghiên cứu cho thấy Trung Quốc đóng vai trò trung tâm trong trụ cột “can dự tích cực” thông qua đầu tư hạ tầng và liên kết kinh tế; Hoa Kỳ đảm nhiệm chức năng “bảo hiểm rủi ro” thông qua viện trợ phát triển và hợp tác phi quân sự; trong khi các định chế đa phương và cường quốc trung gian đóng vai trò “đa dạng hóa” nguồn lực và giảm thiểu phụ thuộc đơn tuyến. Tuy nhiên, sự mất cân đối giữa ba trụ cột dẫn đến một cấu trúc chiến lược mang tính bất đối xứng, trong đó mức độ phụ thuộc kinh tế vào Trung Quốc gia tăng nhanh hơn khả năng cân bằng từ các kênh còn lại. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đóng góp vào lý thuyết quan hệ quốc tế bằng cách mở rộng cách hiểu về chiến lược phòng bị nước đôi trong điều kiện phụ thuộc cấu trúc, đồng thời đề xuất khái niệm “*phòng bị nước đôi lệ thuộc - (dependent hedging)*” như một công cụ phân tích đối với hành vi của các quốc gia nhỏ trong bối cảnh cạnh tranh cường quốc.

*Từ khóa:* phòng bị nước đôi, phòng bị nước đôi lệ thuộc, quốc gia nhỏ, Lào, cạnh tranh Hoa Kỳ - Trung Quốc, tiểu vùng sông Mekong, bất đối xứng quyền lực, tự chủ chiến lược

### Abstract

Amid intensifying strategic competition between the United States and China in the Mekong Subregion, this article examines how Laos has adopted a hedging strategy as an adaptive mechanism to maximize benefits while minimizing risks under conditions of power asymmetry. Drawing upon Structural Realism and a hedging framework consisting of three core dimensions - engagement, insurance, and diversification - the study finds that China occupies a central position within the engagement pillar through infrastructure investment and deepening economic connectivity. The United States performs an insurance function by providing development assistance and expanding non-military cooperation, while multilateral institutions and middle powers contribute to diversification by broadening sources of external support and reducing dependence on any single partner. However, the imbalance among these three pillars has generated an asymmetric strategic structure in which Laos's economic dependence on China has expanded more rapidly than the

\*Tác giả liên hệ: Trần Thị Diễm Trâm  
Email: trantdiemtram@dtu.edu.vn

countervailing capacity provided by alternative channels. On this basis, the article contributes to the International Relations literature by extending existing understandings of hedging under conditions of structural dependence. It further proposes the concept of “*dependent hedging*” as an analytical framework for examining the foreign policy behavior of small states in the context of great-power competition.

*Keywords:* hedging, dependent hedging, small states, Laos, US - China competition, Mekong Subregion, structural asymmetry, strategic autonomy

## 1. Giới thiệu

Cạnh tranh chiến lược Hoa Kỳ - Trung Quốc tại tiểu vùng sông Mekong đang trở thành một yếu tố cấu trúc then chốt tái định hình động lực quan hệ quốc tế khu vực. Trong môi trường địa chính trị biến động này, các quốc gia nhỏ buộc phải điều chỉnh chính sách đối ngoại sao cho phù hợp dưới áp lực bất đối xứng quyền lực ngày càng gia tăng.

Dưới lăng kính của chủ nghĩa hiện thực cấu trúc, hệ thống quốc tế vô chính phủ tạo ra những ràng buộc khách quan, buộc các quốc gia yếu thế phải tìm kiếm các cơ chế thích ứng để sinh tồn. Tuy nhiên, các lựa chọn truyền thống như cân bằng quyền lực hoặc phù thịnh/hòa theo cường quốc dường như không còn phản ánh đầy đủ tính phức tạp của thực tiễn đối ngoại đương đại tại khu vực. Trong bối cảnh đó, chiến lược phòng bị nước đôi (PBNĐ) nổi lên như một lựa chọn tối ưu, cho phép các quốc gia nhỏ đồng thời duy trì hợp tác với các cường quốc cạnh tranh nhằm tối đa hóa lợi ích và giảm thiểu rủi ro chiến lược. Cách tiếp cận này thường được khái quát qua ba thành tố cốt lõi gồm can dự tích cực, bảo hiểm rủi ro và đa dạng hóa. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện nay vẫn ngầm giả định rằng các quốc gia có khả năng phân bổ nguồn lực linh hoạt để duy trì trạng thái cân bằng tương đối giữa các thành tố này. Giả định này bộc lộ hạn chế khi áp dụng vào các quốc gia có mức độ phụ thuộc kinh tế sâu sắc, nơi các ràng buộc vật chất và tài chính làm suy giảm đáng kể biên độ tự chủ.

Lào cung cấp một trường hợp điển hình để giải mã nghịch lý này tại tiểu vùng sông Mekong. Với quy mô kinh tế hạn chế và nhu cầu vốn hạ tầng cấp thiết, quốc gia này buộc phải

triển khai chính sách đối ngoại trong một cấu trúc mang tính bất đối xứng. Thực tiễn cho thấy hành vi của Lào không vận hành theo mô hình PBNĐ cân bằng lý tưởng, mà chịu sự chi phối mạnh mẽ của cấu trúc phụ thuộc vào Trung Quốc trong trụ cột can dự.

Bài viết nhằm mục đích phân tích cách thức quốc gia nhỏ thực hiện chiến lược PBNĐ trong điều kiện bị giới hạn bởi các nguồn lực cấu trúc, từ đó đề xuất khái niệm “PBNĐ lệ thuộc” nhằm làm rõ ranh giới giữa lựa chọn chính sách chủ động và sự thích ứng bắt buộc trước các ràng buộc kinh tế - tài chính dài hạn, cũng như phân biệt khái niệm này với các khái niệm có liên quan.

## 2. Tổng quan nghiên cứu, khoảng trống nghiên cứu, khung lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu về chiến lược PBNĐ đã trở thành một hướng tiếp cận quan trọng trong nghiên cứu quan hệ quốc tế nhằm giải thích hành vi đối ngoại của các quốc gia nhỏ và trung bình trong bối cảnh cạnh tranh giữa các cường quốc. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa tồn tại sự đồng thuận hoàn toàn về nội hàm và điều kiện vận hành của chiến lược này.

Một số hướng nghiên cứu xem PBNĐ như một lựa chọn nằm giữa cân bằng quyền lực và phù thịnh/hòa theo, cho phép các quốc gia đồng thời theo đuổi hợp tác và phòng ngừa rủi ro trong quan hệ với các cường quốc [7]. Trong khi đó, các nghiên cứu khác cho rằng PBNĐ không phải là trạng thái trung gian mà là một chiến lược đối ngoại độc lập với logic riêng, được thiết kế nhằm duy trì tính linh hoạt chiến lược trong môi trường bất định [11], [12].

Bên cạnh các tranh luận về khái niệm PBNĐ, hướng nghiên cứu quan trọng khác tập trung vào hành vi của các quốc gia nhỏ (small state behavior). Phần lớn các công trình hiện nay cho rằng PBNĐ được xem là một trong những công cụ quan trọng giúp các quốc gia nhỏ này duy trì nhiều lựa chọn chiến lược đồng thời, tránh phụ thuộc quá mức vào bất kỳ cường quốc nào và bảo vệ mức độ tự chủ cần thiết trong hoạch định chính sách đối ngoại [10].

Tuy nhiên, một số nghiên cứu gần đây cho thấy khả năng duy trì tính linh hoạt chiến lược không đồng đều giữa các quốc gia. Mức độ phụ thuộc kinh tế, tài chính và hạ tầng ngày càng gia tăng có thể tạo ra các ràng buộc vật chất làm thu hẹp không gian chính sách đối ngoại của các quốc gia nhỏ [1], [6]. Mặc dù vậy, mối quan hệ giữa phụ thuộc cấu trúc và chiến lược PBNĐ vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ trong các công trình hiện có.

Đối với tiểu vùng sông Mekong, phần lớn các nghiên cứu tập trung vào cạnh tranh ảnh hưởng giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ hoặc đánh giá tác động của các sáng kiến phát triển và kết nối khu vực [8]. Trong khi đó, số lượng nghiên cứu xem xét tiểu vùng sông Mekong từ góc độ hành vi chiến lược của các quốc gia nhỏ vẫn còn tương đối hạn chế, đặc biệt đối với trường hợp Lào.

## 2.2. Khoảng trống nghiên cứu

Các nghiên cứu hiện có đã đóng góp đáng kể vào việc lý giải chiến lược PBNĐ của các quốc gia nhỏ và trung bình. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại ba khoảng trống nghiên cứu đáng chú ý.

Thứ nhất, phần lớn các nghiên cứu thực nghiệm tập trung vào các quốc gia có mức độ tự chủ chiến lược tương đối cao như Singapore, Malaysia hoặc Việt Nam, trong khi những trường hợp có mức độ phụ thuộc kinh tế lớn vào một cường quốc, tiêu biểu như Lào, vẫn chưa được xem xét đầy đủ.

Thứ hai, các nghiên cứu hiện nay chủ yếu xem PBNĐ như một công cụ nhằm duy trì hoặc mở rộng không gian tự chủ chiến lược. Tuy nhiên, chúng chưa giải thích đầy đủ khả năng chiến lược này bị biến đổi khi quốc gia ngày càng phụ thuộc vào nguồn vốn, hạ tầng, thị trường hoặc các nguồn lực phát triển từ một đối tác bên ngoài.

Thứ ba, mặc dù đã xuất hiện nhiều nghiên cứu về PBNĐ trong điều kiện bất đối xứng quyền lực, hiện vẫn chưa có một khung phân tích riêng nhằm lý giải trạng thái mà chiến lược PBNĐ tiếp tục tồn tại nhưng năng lực tự chủ chiến lược của quốc gia lại suy giảm do phụ thuộc cấu trúc ngày càng gia tăng.

Xuất phát từ những khoảng trống trên, bài viết đề xuất khái niệm PBNĐ lệ thuộc nhằm phân tích hành vi của các quốc gia nhỏ trong điều kiện vừa phải duy trì chiến lược PBNĐ vừa chịu sự ràng buộc ngày càng lớn từ quan hệ phụ thuộc kinh tế với một cường quốc. Đồng thời, việc làm rõ sự khác biệt giữa khái niệm này và các khái niệm tương đồng là điều kiện quan trọng để xác lập tính mới của nghiên cứu. So với khái niệm “PBNĐ bất đối xứng” (asymmetrical hedging), PBNĐ lệ thuộc không chỉ phản ánh sự chênh lệch quyền lực giữa các chủ thể mà còn nhấn mạnh tác động của sự phụ thuộc kinh tế sâu rộng đến khả năng duy trì tự chủ chiến lược của quốc gia. Tương tự, khác với “liên kết bị cưỡng ép” (constrained alignment), vốn tập trung vào những ràng buộc khiến một quốc gia phải nghiêng về một cường quốc nhất định, PBNĐ lệ thuộc cho thấy quốc gia đó vẫn tiếp tục duy trì chiến lược PBNĐ và đa dạng hóa quan hệ đối ngoại dù không gian lựa chọn chiến lược ngày càng bị thu hẹp. Khác với “phù thịnh/hòa theo” (bandwagoning), vốn hàm ý sự phục tùng và liên kết đơn phương, PBNĐ lệ thuộc vẫn duy trì các cơ chế đa dạng hóa đối tác và bảo hiểm rủi ro nhằm bảo vệ mức độ tự chủ tối thiểu. Đồng thời, khái niệm này cũng khác với “cân bằng mềm”

(soft balancing), bởi mục tiêu cốt lõi không phải là kiềm chế ảnh hưởng của cường quốc thông qua các công cụ ngoại giao và thể chế đa phương, mà là quản trị sự phụ thuộc vật chất để duy trì khả năng sinh tồn và linh hoạt chiến lược của quốc gia trong môi trường cạnh tranh nước lớn [1]. Thực chất, PBNĐ lệ thuộc mô tả trạng thái chiến lược PBNĐ tiếp tục tồn tại nhưng bị biến dạng, nơi sự mất cân đối nghiêm trọng giữa các thành tố dẫn đến sự suy giảm năng lực tự chủ theo thời gian. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất khái niệm này như một biến thể đặc thù của hành vi quốc gia nhỏ trong điều kiện phụ thuộc kinh tế cao, lấy trường hợp Lào làm trọng tâm kiểm chứng thực nghiệm tại tiểu vùng sông Mekong.

### 2.3. Khung lý thuyết nghiên cứu

Bài viết được xây dựng trên nền tảng của chủ nghĩa hiện thực cấu trúc (Structural Realism/Neorealism) của Kenneth Waltz, theo đó hệ thống quốc tế mang tính vô chính phủ và sự phân bổ quyền lực giữa các quốc gia tạo ra những ràng buộc khách quan đối với hành vi đối ngoại. Trong môi trường chiến lược bất định, đặc biệt khi các cường quốc cạnh tranh ảnh hưởng, các quốc gia nhỏ và trung bình thường tìm cách vừa tối đa hóa lợi ích phát triển vừa giảm thiểu các rủi ro chiến lược phát sinh từ sự phụ thuộc quá mức vào một đối tác duy nhất [22]. Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu về chiến lược PBNĐ, đặc biệt là các đóng góp của Goh, Kuik, Lim & Cooper, nghiên cứu xây dựng khung phân tích gồm ba thành tố cốt lõi: (1) can dự tích cực để tối đa hóa các nguồn lực phát triển từ đối tác bên ngoài, (2) bảo hiểm rủi ro thể hiện việc duy trì các lựa chọn chiến lược thay thế nhằm giảm thiểu rủi ro phụ thuộc, (3) đa dạng hóa phản ánh xu hướng mở rộng mạng lưới đối tác nhằm tránh lệ thuộc đơn tuyến vào bất kỳ trung tâm quyền lực nào [7], [11], [12].

Trên cơ sở ba thành tố này, bài viết lập luận rằng khi mức độ phụ thuộc kinh tế vào một cường quốc gia tăng vượt quá khả năng bù đắp

từ các cơ chế bảo hiểm rủi ro và đa dạng hóa, chiến lược PBNĐ có thể chuyển hóa thành một dạng thức PBNĐ lệ thuộc. Trong trạng thái này, quốc gia vẫn duy trì các biểu hiện của PBNĐ nhưng năng lực tự chủ chiến lược bị suy giảm dần theo thời gian do sự mất cân đối giữa các thành tố cấu thành chiến lược.

### 2.4. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng thiết kế nghiên cứu định tính kết hợp nghiên cứu trường hợp (case study) với phân tích dữ liệu thứ cấp và phân tích nội dung định hướng lý thuyết. Lào được lựa chọn như một trường hợp điển hình tại tiểu vùng sông Mekong, do đặc trưng là quốc gia nhỏ có mức độ phụ thuộc kinh tế cao và chịu tác động trực tiếp từ cạnh tranh giữa các cường quốc.

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ các báo cáo của các tổ chức quốc tế, tài liệu chính sách và thông kê chính thức. Trên cơ sở đó, nghiên cứu tiến hành phân tích nội dung nhằm nhận diện và phân loại các hình thức hợp tác đối ngoại của Lào theo ba trụ cột chiến lược.

Bên cạnh đó, nghiên cứu vận dụng cách tiếp cận lịch sử, so sánh để phân tích sự thay đổi trong quan hệ đối ngoại của Lào đối với các cường quốc theo thời gian, đặc biệt từ sau năm 2013 - thời điểm gia tăng các sáng kiến hạ tầng quy mô lớn - nhằm làm rõ sự khác biệt trong chức năng chiến lược của từng đối tác và sự khác biệt trong các khái niệm quốc tế liên quan đến PBNĐ.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Can dự tích cực với Trung Quốc và sự hình thành phụ thuộc cấu trúc

Kể từ khi Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) được triển khai vào năm 2013, Trung Quốc dần trở thành đối tác kinh tế quan trọng nhất của Lào. Theo số liệu chính thức của Vientiane Times, tính đến năm 2024 tổng vốn đầu tư tích lũy của Trung Quốc tại Lào đã vượt 18 tỷ USD với hơn 900 dự án đang hoạt động,

tập trung chủ yếu trong các lĩnh vực hạ tầng giao thông, năng lượng, khai khoáng, thủy điện và nông nghiệp. Trung Quốc hiện đồng thời là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất và là một trong ba đối tác thương mại hàng đầu của Lào [21]. Những số liệu này cho thấy quan hệ Lào - Trung Quốc đã vượt khỏi khuôn khổ hợp tác phát triển thông thường để hình thành mức độ liên kết kinh tế có tính hệ thống. Từ góc độ chủ nghĩa hiện thực cấu trúc, các hoạt động này phản ánh rõ trụ cột can dự tích cực, trong đó quốc gia nhỏ chủ động thúc đẩy hợp tác với một cường quốc nhằm tiếp cận nguồn lực cần thiết cho phát triển kinh tế và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng.

Một minh chứng tiêu biểu cho mức độ can dự này là dự án Đường sắt Lào - Trung Quốc (Laos - China Railway). Với tổng mức đầu tư khoảng 5,9 tỷ USD, tương đương gần 30% GDP của Lào tại thời điểm triển khai, đây là dự án hạ tầng lớn nhất trong lịch sử hiện đại của quốc gia này. Tuyến đường sắt không chỉ góp phần cải thiện kết nối giao thông xuyên biên giới mà còn hỗ trợ mục tiêu chuyển đổi Lào từ một quốc gia “không giáp biển” (landlocked) thành quốc gia “kết nối lục địa” (landlinked) [4], [24]. Tuy nhiên, ý nghĩa chiến lược của dự án không chỉ nằm ở hiệu quả kinh tế. Quy mô vốn lớn cùng sự tham gia sâu của các doanh nghiệp và định chế tài chính Trung Quốc đã tạo ra các ràng buộc dài hạn về tài chính, công nghệ và vận hành. Điều này cho thấy trụ cột can dự tích cực trong trường hợp Lào không đơn thuần là hợp tác phát triển mà gắn liền với quá trình hình thành các mối liên kết phụ thuộc vật chất lâu dài.

Xu hướng phụ thuộc còn thể hiện rõ trong lĩnh vực hạ tầng chiến lược. Năm 2020, Chính phủ Lào thành lập Công ty Truyền tải điện quốc gia (EDL-T) với sự tham gia chi phối của doanh nghiệp Trung Quốc trong hoạt động quản lý và vận hành lưới điện quốc gia [3]. Sự kiện này đánh dấu bước chuyển từ giai đoạn tiếp nhận vốn đầu tư sang giai đoạn chia sẻ quyền kiểm soát

đối với một hạ tầng có ý nghĩa chiến lược đối với an ninh năng lượng quốc gia. Từ góc độ hiện thực cấu trúc, việc một đối tác bên ngoài tham gia sâu vào vận hành các tài sản chiến lược phản ánh mức độ bất đối xứng ngày càng gia tăng trong quan hệ song phương. Khi nguồn vốn, công nghệ, thị trường và hạ tầng cùng tập trung vào một đối tác, khả năng điều chỉnh chính sách độc lập của quốc gia nhỏ có xu hướng bị thu hẹp theo thời gian.

Các chỉ báo tài chính vĩ mô tiếp tục củng cố nhận định về sự gia tăng phụ thuộc cấu trúc. Theo International Monetary Fund (IMF), nợ công của Lào đã vượt ngưỡng 100% GDP trong giai đoạn 2022–2023, trong đó phần đáng kể liên quan đến các dự án hạ tầng quy mô lớn được tài trợ bởi nguồn vốn bên ngoài [9]. Đồng thời, áp lực trả nợ bằng ngoại tệ diễn ra trong bối cảnh dự trữ ngoại hối hạn chế và đồng Kip mất giá mạnh, làm gia tăng tính dễ tổn thương của nền kinh tế. Những dữ liệu này cho thấy sự phụ thuộc của Lào không chỉ tồn tại ở cấp độ thương mại hoặc đầu tư mà đã mở rộng sang lĩnh vực tài chính công và quản trị hạ tầng. Trong khi các đối tác khác chủ yếu cung cấp viện trợ phát triển hoặc hỗ trợ kỹ thuật, Trung Quốc giữ vai trò trung tâm trong các lĩnh vực tạo ra nghĩa vụ tài chính dài hạn. Sự khác biệt này làm cho trụ cột can dự tích cực phát triển nhanh hơn đáng kể so với các trụ cột bảo hiểm rủi ro và đa dạng hóa.

Nhìn tổng thể, dù Lào vẫn duy trì quan hệ với nhiều đối tác quốc tế và tiếp tục theo đuổi chính sách đa phương hóa trong đối ngoại nhưng các bằng chứng thực nghiệm cho thấy nguồn lực phát triển quan trọng nhất của quốc gia này hiện vẫn tập trung vào Trung Quốc. Do đó, chiến lược PBNĐ của Lào không dẫn tới sự mở rộng tương ứng về tự chủ chiến lược, mà đồng thời làm gia tăng các ràng buộc kinh tế mang tính dài hạn. Đây chính là cơ sở thực nghiệm để bài viết đề xuất khái niệm “PBNĐ lệ thuộc” nhằm mô tả một dạng thức PBNĐ trong đó tính linh hoạt

chiến lược vẫn được duy trì nhưng ngày càng bị giới hạn bởi sự phụ thuộc vật chất vào một đối tác chi phối.

### **3.2. Hoa Kỳ như cơ chế bảo hiểm rủi ro và mở rộng không gian chiến lược**

Nếu Trung Quốc giữ vai trò trung tâm trong trụ cột can dự tích cực thông qua đầu tư hạ tầng và liên kết kinh tế, thì Hoa Kỳ lại đảm nhiệm vai trò chủ đạo trong thành tố bảo hiểm rủi ro, vai trò này được thể hiện thông qua viện trợ phát triển, hợp tác nhân đạo và các cơ chế hợp tác thể chế do Hoa Kỳ dẫn dắt [19].

Khác với Trung Quốc, ảnh hưởng của Hoa Kỳ tại Lào không dựa trên các dự án hạ tầng quy mô lớn hay các dòng vốn tạo nghĩa vụ tài chính dài hạn. Thay vào đó, mối quan hệ này được tái cấu trúc trên nền tảng xử lý di sản chiến tranh và phát triển nhân đạo thay vì hiện diện quân sự trực tiếp. Mối quan hệ tập trung vào các lĩnh vực như rà phá bom mìn, y tế, giáo dục, phát triển cộng đồng và nâng cao năng lực quản trị [19], [20]. Điều này tạo nên một dạng hiện diện chiến lược có khả năng bổ sung cho các nhu cầu phát triển của Lào mà không làm gia tăng mức độ phụ thuộc kinh tế.

Lĩnh vực rà phá vật liệu nổ chưa nổ (UXO) là minh chứng rõ nhất cho chức năng bảo hiểm của Hoa Kỳ. Theo dữ liệu từ The Monitor, Hoa Kỳ là nhà tài trợ lớn nhất cho các hoạt động xử lý bom mìn tại Lào, chiếm khoảng 88% tổng nguồn tài trợ quốc tế trong năm 2022 và khoảng 73% trong năm 2024 [14]. Tính từ năm 1995 đến nay, tổng giá trị hỗ trợ của Hoa Kỳ cho lĩnh vực này đã vượt 391 triệu USD [17]. Về mặt thực tiễn, ý nghĩa của các chương trình này vượt xa mục tiêu nhân đạo thuần túy. Chúng đóng vai nâng cao năng lực quản trị địa phương, cải thiện an ninh con người và tái thiết không gian phát triển kinh tế - xã hội tại các khu vực bị ảnh hưởng nặng nề, tạo ra nền tảng cho sự can dự thể chế bền vững mà không tạo ra các nghĩa vụ trả nợ hoặc các cam kết kinh tế dài hạn.

Vai trò bảo hiểm rủi ro từ Hoa Kỳ tiếp tục được củng cố thông qua các chương trình hỗ trợ phát triển của USAID. Quy mô hỗ trợ thường niên đã tăng đáng kể trong những năm gần đây, từ khoảng 7 triệu USD năm 2016 lên hơn 48 triệu USD năm 2024. Các chương trình tập trung chủ yếu vào y tế, giáo dục, quản trị công, tăng trưởng kinh tế và phát triển nguồn nhân lực [18]. Khác với các khoản đầu tư vào hạ tầng vật chất, các chương trình này hướng tới việc nâng cao năng lực nội sinh của quốc gia tiếp nhận. Dưới góc độ chiến lược, đây là một nguồn lực có giá trị đặc biệt vì nó giúp Lào cải thiện năng lực quản trị và khả năng thích ứng trước các cú sốc bên ngoài mà không làm phát sinh thêm nghĩa vụ tài chính đáng kể.

Trên bình diện khu vực, diễn đàn Quan hệ đối tác Mekong - Hoa Kỳ (Mekong-US Partnership) tiếp tục mở rộng chức năng bảo hiểm của Hoa Kỳ. Các sáng kiến trong lĩnh vực an ninh nguồn nước, biến đổi khí hậu, y tế công cộng và chuyển đổi số góp phần hình thành một không gian hợp tác mang tính thể chế, trong đó trọng tâm không nằm ở quy mô vốn, mà ở việc thiết lập tiêu chuẩn, chuyển giao tri thức và tăng cường năng lực quản trị [19]. Điều này cho phép Lào tiếp cận các nguồn lực phát triển mà không bị ràng buộc bởi các cam kết kinh tế - tài chính quy mô lớn. Sự hạn chế trong quy mô thương mại song phương, chiếm khoảng 1-2% tổng kim ngạch xuất khẩu của Lào [15], [16] khẳng định quan hệ này mang tính hỗ trợ chiến lược thay vì phụ thuộc kinh tế. Các cơ chế này làm gia tăng số lượng đối tác và kênh hợp tác mà Lào có thể sử dụng trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại. Điều đó giúp giảm thiểu rủi ro phát sinh khi quốc gia phụ thuộc quá mức vào một nguồn lực hoặc một đối tác duy nhất.

Nhìn tổng thể, Hoa Kỳ không giữ vai trò đối trọng kinh tế với Trung Quốc tại Lào. Quy mô thương mại và đầu tư song phương vẫn tương đối hạn chế so với mức độ hiện diện của Trung

Quốc. Tuy nhiên, điều này không làm giảm ý nghĩa chiến lược của quan hệ Lào - Hoa Kỳ. Thay vì cạnh tranh trực tiếp trong lĩnh vực hạ tầng hoặc tài chính, Hoa Kỳ cung cấp cho Lào các nguồn lực thay thế trong lĩnh vực thể chế, quản trị và phát triển con người. Lào chủ động khai thác quan hệ này như một công cụ “cân bằng mềm” cho phép quốc gia duy trì nguyên tắc không liên kết và giảm bớt chi phí phụ thuộc cấu trúc từ trụ cột can dự. Sự kết hợp này phản ánh tư duy tối ưu hóa lợi ích của Lào: tận dụng nguồn vốn phát triển từ Trung Quốc nhưng đồng thời sử dụng ảnh hưởng thể chế của Hoa Kỳ để bảo vệ không gian tự chủ chính trị tối thiểu.

### **3.3. Đa dạng hóa thể chế và phân tán nguồn lực phát triển**

Đối với Lào, trụ cột đa dạng hóa được triển khai thông qua việc duy trì hợp tác với các định chế tài chính quốc tế, các cường quốc trung gian và các cơ chế đa phương khu vực.

Khác với can dự tích cực hay bảo hiểm rủi ro, mục tiêu của đa dạng hóa không phải là tối đa hóa lợi ích kinh tế trực tiếp hoặc tạo ra cơ chế bảo hiểm chiến lược trước các rủi ro cụ thể. Thay vào đó, thành tố này giúp quốc gia mở rộng các lựa chọn chính sách, phân tán nguồn lực phát triển và nâng cao khả năng thích ứng trong môi trường cạnh tranh giữa các cường quốc.

Về mặt cấu trúc tài trợ, Lào duy trì một danh mục đối tác đa dạng, trong đó các nguồn vốn từ Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (World Bank), Liên minh châu Âu (EU) và Nhật Bản được giữ ở trạng thái cân bằng tương đối.

ADB được xem là một trong những đối tác quan trọng nhất trong chiến lược đa dạng hóa nguồn lực của Lào. Tính đến năm 2026, ADB đã chính thức phê duyệt ngân sách 149 triệu USD cho chính phủ Lào để thực hiện bốn dự án trọng điểm, viện trợ không hoàn lại và hỗ trợ kỹ thuật cho khu vực công với tổng trị giá 3,1 tỷ USD, tập trung vào các lĩnh vực giao thông, năng

lượng, giáo dục và giảm nghèo [2]. Tuy nhiên, ý nghĩa chiến lược của ADB không chỉ nằm ở quy mô tài chính. Khác với các khoản đầu tư song phương, các dự án của ADB thường đi kèm các yêu cầu về minh bạch tài chính, đánh giá tác động và cơ chế giám sát thực hiện. Điều này giúp Lào tiếp cận nguồn vốn phát triển từ một thiết chế đa phương thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào các nguồn tài chính song phương.

Tương tự, World Bank góp phần đa dạng hóa các nguồn lực phát triển thông qua các chương trình cải cách kinh tế vĩ mô, quản trị công và ổn định tài khóa. Báo cáo của World Bank cho thấy dòng vốn đầu tư và thặng dư tài khoản vãng lai đang góp phần cải thiện dự trữ ngoại tệ, ổn định tỷ giá và kiểm soát lạm phát tại Lào. Trên nền tảng đó, tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 4,2% vào năm 2025, nhờ sự mở rộng ổn định của các ngành năng lượng, khai khoáng và sản xuất, cùng với sự phục hồi của kinh tế khu vực, qua đó hỗ trợ hoạt động xuất khẩu [23]. Sự hiện diện của World Bank giúp Lào tiếp cận một nguồn hỗ trợ thay thế cho các dự án phát triển dài hạn. Quan trọng hơn, các chương trình của World Bank góp phần nâng cao năng lực điều hành kinh tế trong nước, qua đó làm giảm tính dễ tổn thương trước các cú sốc tài chính hoặc sự thay đổi chính sách từ các đối tác bên ngoài.

Bên cạnh các định chế tài chính quốc tế, Nhật Bản và Liên minh châu Âu (EU) cũng giữ vai trò quan trọng trong chiến lược đa dạng hóa của Lào. Nhật Bản là một trong những nhà tài trợ ODA lớn nhất tại Lào trong nhiều thập kỷ, tập trung vào phát triển giao thông, y tế và nguồn nhân lực [13]. Trong khi đó, EU ưu tiên các lĩnh vực phát triển bền vững, quản trị môi trường và tăng cường năng lực thể chế [5]. Điểm chung của các đối tác này là hỗ trợ quá trình nâng cao năng lực nội sinh thay vì tập trung vào các dự án tạo ra nghĩa vụ nợ quy mô lớn. Sự hiện diện của nhiều nhà tài trợ với các ưu tiên khác nhau giúp Lào phân tán rủi ro phát triển và duy trì khả năng tiếp cận các nguồn lực đa dạng hơn.

Ngoài các nguồn lực tài chính và phát triển, Lào còn thúc đẩy đa dạng hóa thông qua việc tham gia tích cực vào các thể chế đa phương như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Liên Hợp Quốc (UN) và Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Những cơ chế này tạo ra các diễn đàn giúp Lào mở rộng quan hệ đối ngoại, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế và tăng cường khả năng phối hợp chính sách với nhiều đối tác khác nhau.

Nhìn chung, các bằng chứng thực nghiệm cho thấy Lào đã xây dựng được một mạng lưới đối tác phát triển tương đối đa dạng thông qua các định chế tài chính quốc tế, các cường quốc trung gian và các cơ chế đa phương. Trụ cột đa dạng hóa vì vậy vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì tính linh hoạt của chính sách đối ngoại và hạn chế nguy cơ phụ thuộc hoàn toàn vào một đối tác duy nhất. Nhưng hiệu quả của đa dạng hóa vẫn bị giới hạn bởi sự chênh lệch đáng kể về quy mô nguồn lực giữa các đối tác.

#### 4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy chiến lược PBNĐ của Lào được triển khai thông qua ba nhóm công cụ khác nhau. Thứ nhất, Trung Quốc giữ vai trò trung tâm trong trụ cột can dự tích cực thông qua đầu tư hạ tầng, thương mại và tài chính. Thứ hai, Hoa Kỳ đóng góp chủ yếu vào trụ cột bảo hiểm rủi ro thông qua viện trợ phát triển, rà phá bom mìn và các chương trình nâng cao năng lực. Thứ ba, các định chế tài chính quốc tế cùng các đối tác lớn hỗ trợ quá trình đa dạng hóa bằng cách cung cấp nguồn lực phát triển thay thế và các khuôn khổ hợp tác đa phương. Tuy nhiên, ba trụ cột này không phát triển với mức độ tương đồng. Các dữ liệu thực nghiệm cho thấy nguồn lực kinh tế và hạ tầng của Lào vẫn tập trung chủ yếu vào Trung Quốc, trong khi các nguồn lực từ Hoa Kỳ và các đối tác khác chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực thể chế, xã hội và phát triển con người. Sự chênh lệch này tạo ra một trạng thái PBNĐ lệ thuộc thay vì một mô hình cân bằng giữa các đối tác.

Phát hiện trên nhìn chung phù hợp với lập luận của Kuik, Lim & Cooper rằng PBNĐ không phải là sự trung lập giữa các cường quốc mà là chiến lược kết hợp nhiều công cụ nhằm giảm thiểu rủi ro trong môi trường bất định [11], [12]. Trường hợp Lào cho thấy, quốc gia nhỏ có thể đồng thời duy trì hợp tác sâu rộng với một cường quốc, tiếp nhận hỗ trợ từ một cường quốc khác và mở rộng hợp tác với các thiết chế đa phương mà không phải lựa chọn liên kết hoàn toàn với bất kỳ bên nào.

Tuy nhiên, nghiên cứu này cũng cho thấy một khác biệt quan trọng so với nhiều trường hợp PBNĐ được nghiên cứu trước đây ở Đông Nam Á như Singapore, Malaysia hay Việt Nam. Trong các trường hợp đó, các thành tố của PBNĐ thường duy trì được mức độ cân bằng tương đối, giúp quốc gia nhỏ bảo tồn đáng kể khả năng tự chủ chiến lược. Ngược lại, tại Lào, sự phụ thuộc kinh tế và hạ tầng vào Trung Quốc phát triển nhanh hơn đáng kể so với các nguồn lực bảo hiểm và đa dạng hóa, làm cho cấu trúc này trở nên bất đối xứng. Sự khác biệt này có thể được giải thích từ các điều kiện cấu trúc đặc thù của Lào. Là một quốc gia không giáp biển, có quy mô kinh tế nhỏ và hạn chế về nguồn lực nội sinh, Lào phụ thuộc nhiều hơn vào nguồn vốn bên ngoài để thực hiện các mục tiêu phát triển cơ sở hạ tầng và hội nhập kinh tế. Trong bối cảnh đó, các dự án quy mô lớn do Trung Quốc tài trợ mang lại những lợi ích phát triển khó có đối tác nào khác có thể thay thế trong ngắn hạn.

#### 5. Kết luận

Nghiên cứu này phân tích cách thức Lào triển khai chiến lược PBNĐ trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng gia tăng giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ tại tiểu vùng sông Mekong. Kết quả cho thấy Lào không lựa chọn liên kết hoàn toàn với bất kỳ cường quốc nào mà đồng thời duy trì ba nhóm công cụ chiến lược gồm can dự tích cực với Trung Quốc, bảo hiểm rủi ro thông qua Hoa

Kỳ và đa dạng hóa thông qua các định chế đa phương cùng các đối tác phát triển khác.

Từ trường hợp Lào, nghiên cứu cho thấy hiệu quả của PBNĐ không chỉ phụ thuộc vào việc duy trì quan hệ với nhiều đối tác mà còn phụ thuộc vào mức độ cân bằng giữa các nguồn lực mà các đối tác đó cung cấp. Khái niệm PBNĐ lệ thuộc được đưa ra nhằm lý giải trạng thái mà chiến lược PBNĐ vẫn được duy trì nhưng năng lực tự chủ chiến lược suy giảm do sự phụ thuộc kinh tế ngày càng sâu sắc vào một cường quốc.

Nghiên cứu gợi mở rằng các quốc gia nhỏ hay trung bình muốn duy trì hiệu quả chiến lược PBNĐ cần đồng thời củng cố các cơ chế bảo hiểm rủi ro, mở rộng đa dạng hóa đối tác và tăng cường năng lực tự chủ nội sinh. Đây được xem là điều kiện quan trọng để hạn chế các ràng buộc từ phụ thuộc cấu trúc và bảo vệ không gian tự chủ chiến lược trong bối cảnh cạnh tranh cường quốc ngày càng gia tăng.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Anh, V.V. (2024). "Chiến lược phòng bị nước đôi của các nước nhỏ trong quan hệ với các nước lớn: Trường hợp Philippines". *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* (12), 22-30. DOI: 10.56794/KHXHVN.12(204).22-30.
- [2] Asian Development Bank. (2024). *Lao People's Democratic Republic and ADB*. Truy cập ngày 21/06/2026, từ <https://www.adb.org/where-we-work/lao-pdr>.
- [3] Chen, H. (2026). *As China Builds the Grid, Laos's Power Ambitions Enter a New Phase*. Truy cập ngày 12/06/2026, từ <https://chinaglobalsouth.com/analysis/laos-battery-of-southeast-asia-china-power-grid-2026/>.
- [4] China Briefing. (2023). *Strengthening China–Laos relations: Strategic cooperation*. Truy cập ngày 18/04/2026, từ <https://www.china-briefing.com/news/strengthening-china-laos-relations-strategic-cooperation/>.
- [5] European Commission. (2025). *EU cooperation with Lao PDR*. Truy cập ngày 25/04/2026, từ [https://international-partnerships.ec.europa.eu/countries/laos-peoples-democratic-republic\\_en](https://international-partnerships.ec.europa.eu/countries/laos-peoples-democratic-republic_en).
- [6] Frank, A.G. (1966). "The Development of Underdevelopment". *Monthly Review* (18), 17-31.
- [7] Goh, E. (2005). *Meeting the China challenge: The U.S. in Southeast Asian regional security strategies*. Washington, DC: East-West Center.
- [8] Hà, T.T.T. (2026). "Cạnh tranh thị trường thương mại giữa Trung Quốc, Mỹ và Nhật Bản ở tiểu vùng sông Mekong (2008 - 2024)". *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội: Khoa học Xã hội* (71/2), 142-152. DOI: 10.18173/2354-1067.2026-0033.
- [9] International Monetary Fund. (2026). *Lao PDR: IMF concludes 2025 Article IV consultation*. Truy cập ngày 02/05/2026, từ <https://www.imf.org/en/news/articles/2026/02/20/pr-26059-lao-pdr-imf-concludes-2025-aiv-consultation-with-lao-peoples-democratic-republic>.
- [10] Keohane, R.O. (1969). "Lilliputians' Dilemmas: Small States in International Politics". *International Organization* (23), 291-310.
- [11] Kuik, C.C. (2008). "The essence of hedging: Malaysia and Singapore's response to a rising China". *Contemporary Southeast Asia* (30), 159-185. DOI: 10.1355/cs30-2a.
- [12] Lim, D.J. & Cooper, Z. (2015). "Reassessing hedging: The logic of alignment in East Asia". *Security Studies* (24), 696-724. DOI: 10.1080/09636412.2015.1101980.
- [13] Ministry of Foreign Affairs of Japan. (2022). *ODA evaluation report for Laos*. Truy cập ngày 22/04/2026, từ <https://www.mofa.go.jp/policy/oda/evaluation/FY2022/pdfs/laos.pdf>.
- [14] The Monitor. (2024). *Funding for mine action in Lao PDR*. Truy cập ngày 29/04/2026, từ <https://the-monitor.org/country-profile/laos-pdr/funding-for-mine-action>.
- [15] Trading Economics. (2025). *Laos exports by country*. Truy cập ngày 01/05/2026, từ <https://ko.tradingeconomics.com/laos/exports-by-country>.
- [16] Trading Economics. (2025). *Laos exports to United States*. Truy cập ngày 01/05/2026, từ <https://tradingeconomics.com/laos/exports/united-states>.
- [17] U.S. Department of State. (2025). *The United States–Lao PDR relationship*. Truy cập ngày 25/04/2026, từ [https://www.state.gov/bureau-of-political-military-affairs/releases/2024/10/u-s-conventional-weapons-destruction-program-in-lao-pdr?utm\\_source](https://www.state.gov/bureau-of-political-military-affairs/releases/2024/10/u-s-conventional-weapons-destruction-program-in-lao-pdr?utm_source).
- [18] U.S. Department of State. (2024). *The United States–Lao PDR relationship*. Truy cập ngày 12/06/2026, từ <https://2021-2025.state.gov/the-united-states-lao-pdr-relationship-2/>.
- [19] U.S. Department of State. (2024). *U.S. relations with Laos*. Truy cập ngày 17/04/2026, từ <https://2021-2025.state.gov/u-s-relations-with-laos/>.

- [20] USAFacts. (2025). *U.S. foreign aid to Laos*. Truy cập ngày 01/05/2026, từ <https://usafacts.org/answers/how-much-foreign-aid-does-the-us-provide/countries/laos/>.
- [21] Vientiane Times. (12, 06, 2025). China, Laos sign more cooperation documents. *Vientiane Times*. Truy cập ngày 12/06/2026, từ [https://www.vientianetimes.org.la/freefrenews/freecontent\\_053\\_China\\_y25.php](https://www.vientianetimes.org.la/freefrenews/freecontent_053_China_y25.php)
- [22] Waltz, K.N. (1979). *Theory of international politics*. New York: McGraw-Hill.
- [23] World Bank. (2025). *Lao economy improves but challenges remain*. Truy cập ngày 02/05/2026, từ <https://www.worldbank.org/en/news/press-release/2025/12/11/lao-economy-improves-but-lasting-growth-requires-sustained-reforms-and-road-network-revamp>.
- [24] World Bank. (2025). *Lao PDR Economic Monitor: Consolidating Recent Reform Momentum for Stability and Growth*. Truy cập ngày 02/05/2026, từ <https://documents1.worldbank.org/curated/en/648271591174002567/pdf/Main-Report.pdf>.